

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Trần Thị Vân Anh *

Tóm tắt: Đổi mới công nghệ là yêu cầu cấp bách đối với các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có ý nghĩa quyết định tới tăng năng suất lao động, cải thiện năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa có năng lực đổi mới còn hạn chế thì vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với huy động các nguồn lực cho đổi mới, đặc biệt nguồn lực tài chính là rất cần thiết. Bài viết đánh giá những kết quả và hạn chế của chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chế biến, chế tạo trong giai đoạn vừa qua; từ đó, đề xuất một số gợi ý chính sách nâng cao hiệu quả của chính sách hỗ trợ tín dụng.

Từ khóa: chính sách, tín dụng, doanh nghiệp chế biến, chế tạo.

Summary: Technological innovation is an urgent requirement for enterprises in the manufacturing and processing industry; has decisive significance to increase labor productivity, improve competitiveness. However, for the majority of SMEs with limited capacity to innovate, the State's supporting role in mobilizing resources for innovation, especially financial resources, is essential. This article evaluates the results and limitations of credit support policies for technology innovation activities of manufacturing enterprises in the past period; from there, proposing some policy suggestions to improve the effectiveness of the credit support policy.

Keywords: policy, credit, processing and manufacturing enterprises.

1. Chính sách hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp chế biến, chế tạo đổi mới công nghệ

Tiếp cận tài chính được coi là một trở ngại hàng đầu đối với doanh nghiệp tiến hành đổi mới công nghệ. Cho đến nay, khung chính sách, pháp luật về tín dụng và hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp (đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)) đang từng bước được hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi hơn, nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Về nguyên tắc, doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ có thể tiếp cận đến các nguồn vốn tín dụng sau:

- Từ các ngân hàng thương mại (NHTM): Hiện nay, các NHTM đều dành nguồn vốn ưu đãi và thiết kế các sản phẩm tập trung cho từng đối tượng khách hàng là các DNNVV, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao...
- Từ các chương trình ưu đãi tài chính từ các Quỹ khoa học công nghệ. Từ năm 2009 đến nay, các Quỹ cho hoạt động

* Khoa Kinh tế, Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

khoa học và công nghệ được thành lập, bao gồm: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia. Các Quỹ này được thành lập theo quy định tại các Luật như Luật khoa học và công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ, Luật đầu tư,...

- Từ các chương trình, dự án tín dụng được xây dựng và triển khai trên thực tế, bao gồm: Chương trình ưu đãi tài chính cho ngành công nghiệp hỗ trợ với mục đích thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; Chương trình tín dụng đầu tư của Nhà nước với mục đích hỗ trợ tín dụng đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành nghề, địa bàn được nhà nước ưu tiên; Chương trình cho vay ưu đãi của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia với mục đích cho vay ưu đãi đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu, đổi mới và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội do các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp và cá nhân đề xuất;

- Từ Chương trình bảo lãnh vay vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cho dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các DNNVV với mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tại các DNNVV ở Việt Nam.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận 1 trong 3 chương trình hỗ trợ tài chính chủ yếu của nhà nước, bao gồm:

- Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam,

- Quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho DNNVV, và

- Quỹ Phát triển DNNVV.

Sự khác biệt chính giữa 3 chương trình tài chính liên quan đến cơ quan chủ trì, đối tác thực hiện và các lĩnh vực ưu tiên tiếp cận tài chính.

Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) đã được triển khai theo chính sách bảo lãnh tín dụng cho DNNVV của Chính phủ. Mục đích bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV vay vốn ở các ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đầu tư. Đến ngày 28/2/2015, tổng số dư bảo lãnh của NHPT là 2.040 tỷ đồng, tổng số tiền NHPT đã phải trả nợ thay là 327 tỷ đồng, số tiền NHPT từ chối trả thay là 187 tỷ đồng. Dư nợ cho vay bảo lãnh của NHPT tại các NHTM là 917 tỷ đồng. Số dư cho vay và bảo lãnh trên là dư nợ còn lại của các khoản cho vay, bảo lãnh đối với các đối tượng khách hàng quy định tại các Quyết định 14/2009/QĐ-TTg và 60/2009/QĐ-TTg, chưa phát sinh khoản bảo lãnh nào của Ngân hàng Phát triển theo Quyết định 03/2011/QĐ-TTg (CIEM, 2018).

Quỹ bảo lãnh tín dụng (BLTD) dành cho DNNVV triển khai hoạt động đối với những DNNVV không có tài sản bảo đảm tiền vay, nếu đáp ứng được điều kiện của Quỹ cũng như của NHTM, tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận nguồn vốn vay từ tổ chức tín dụng. Quỹ bảo lãnh tín dụng ra đời được xem là cầu nối giữa ngân hàng với các DNNVV không có tài sản thế chấp, chưa có khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo đảm tiền vay, nhưng có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi. Quỹ này không đề cập đến ngành ưu tiên.

Theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thay thế Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng chính phủ. Hiện nay, các chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn theo cơ chế bảo lãnh tín dụng cho DNNVV vay vốn NHTM được thực hiện thông qua 02 kênh là: Quỹ bảo lãnh tín dụng (BLTD) địa phương và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều kiện để DNVVN được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng có một số điểm mới: (i) Vốn điều lệ thực có tối thiểu tại thời điểm thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng là 100 tỷ đồng (thay vì 30 tỷ như trước đây); (ii) Doanh nghiệp có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay; (iii) Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ BLTD thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định của Nghị định này; (iv) Có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% (quy định cũ tối thiểu 15%) tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm Quỹ BLTD thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh; và (v) Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp; Có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 25 Nghị định này. Quy định mới đã bỏ yêu cầu đối tượng được bảo lãnh phải có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại TCTD tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay.

Quỹ phát triển DNVVN được thành

lập tại Quyết định số 601/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển DNNVV. Quỹ được hình thành với tổng vốn điều lệ là 2.000 tỷ đồng do ngân sách nhà nước cấp nhằm mục đích cho các DNNVV thuộc lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ vay nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, tăng thu nhập và việc làm cho doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ kế hoạch kinh doanh khả thi của DNVVN. Mặc dù được phê duyệt năm 2013 nhưng đến 21/4/2016 mới chính thức hoạt động với một số đặc điểm sau:

- Có ưu tiên lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo [3];

- Mức vốn cho vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất - kinh doanh tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án đó (không bao gồm vốn lưu động) nhưng không quá 30 tỷ đồng;

- Thời hạn cho vay, tối đa không quá bảy (07) năm. Trường hợp đặc biệt, đối với những dự án có chu kỳ sản xuất dài, cần thời hạn vay vốn lớn hơn, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ quyết định thời hạn cho vay nhưng không quá mười (10) năm;

- Lãi suất cho vay, không vượt quá 90% mức lãi suất cho vay thương mại (mức lãi suất cho vay bình quân của năm (05) ngân hàng thương mại nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội).

2. Đánh giá chính sách hỗ trợ tín dụng đối với đổi mới công nghệ của ngành chế biến, chế tạo

2.1. Một số kết quả đạt được

Nhìn chung, khung pháp luật về chính sách hỗ trợ tín dụng cho DNNVV đã và đang được hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp khơi thông nguồn vốn tín dụng.

Các cơ chế hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua hệ thống NHTM cũng dần được hoàn thiện, nhằm tạo cơ hội tiếp cận tín dụng cho các DNNVV nói chung và doanh nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng. Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (NHNN), tính đến cuối tháng 12/2018, tín dụng đối với lĩnh vực DNNVV đạt trên 1,3 triệu tỷ đồng, tăng 15,57% so với cuối năm 2017.

Hoạt động của các quỹ bảo lãnh tín dụng (cấp tỉnh) đã dần được hình thành. Tính đến hết tháng 9/2017 đã có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Quỹ BLTD. Tổng số vốn điều lệ của các Quỹ BLTD ước khoảng 1.579 tỷ đồng. Doanh số bảo lãnh của các Quỹ BLTD lũy kế từ năm 2002 đến 30/9/2017 ước khoảng trên 4.126 tỷ đồng với khoảng trên 2000 DNNVV được bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng. Số dư bảo lãnh đến 30/9/2017 của các Quỹ BLTD ước đạt trên 411 tỷ đồng, số trả nợ thay đạt khoảng 83 tỷ đồng (CIEM, 2018).

Bên cạnh đó, cơ chế hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV đang được hoàn thiện theo các quy định mới của Luật Hỗ trợ DNNVV. Tính đến tháng 4/2017 đã có trên 1.000 lượt DNNVV tiếp cận trực tiếp với Quỹ để tìm hiểu các chương trình hỗ trợ thông tin về các DNNVV đủ điều kiện đã được Quỹ chuyển cho ngân hàng nhận ủy thác thẩm định phương án vay vốn (Đoàn Hoài Đức – 2019).

Các chương trình hỗ trợ của Chính phủ cũng có tác động đến hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chế biến, chế tạo. Hàng trăm chủng loại sản phẩm cơ khí chế tạo xuất phát từ kết quả của hoạt động nghiên cứu KH&CN đã được thiết kế, chế tạo thành công với giá thành cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu

sản xuất, góp phần tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị, giảm nhập khẩu. Một số tổng công ty đã có đủ năng lực làm tổng thầu các công trình lớn hàng tỷ USD, một số sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn chất lượng tương đương với sản phẩm nhập khẩu, đủ điều kiện xuất khẩu cạnh tranh với sản phẩm nước ngoài (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2018).

2.2. Một số tồn tại hạn chế

Bên cạnh những tác động tích cực đổi mới công nghệ từ các chính sách hỗ trợ tín dụng, khuyến khích doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng, chính sách về ưu đãi tín dụng còn tồn tại một số hạn chế sau đây:

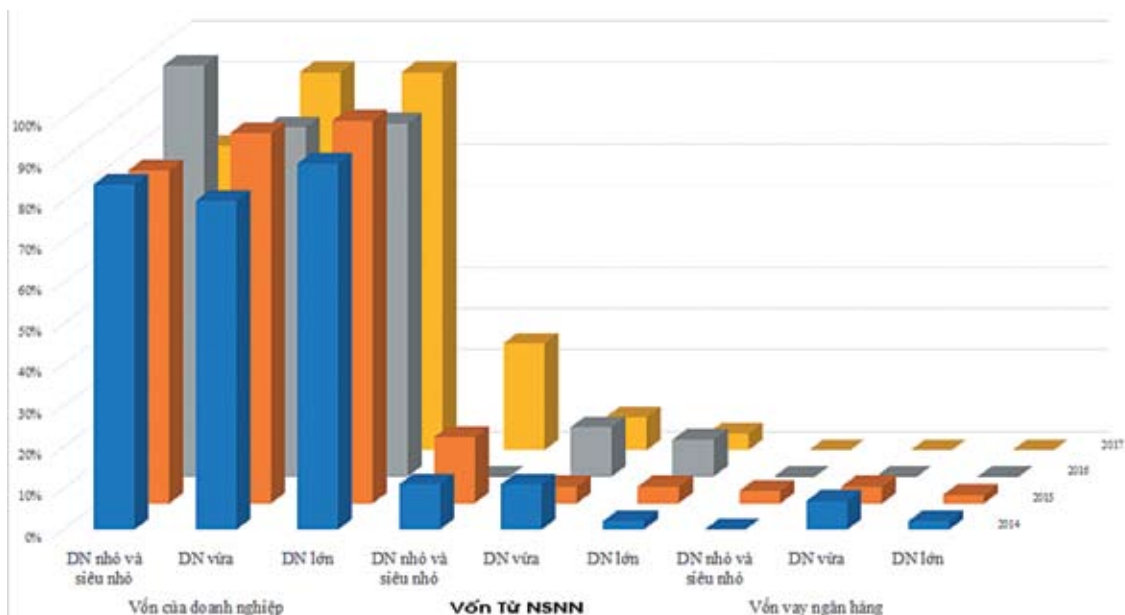
Thứ nhất, khả năng tiếp cận chính sách của các đối tượng thụ hưởng còn thấp

Kể từ khi triển khai chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ, trong đó có hỗ trợ về tín dụng, số lượng các doanh nghiệp chế biến, chế tạo thực hiện đổi mới công nghệ vẫn còn ít và số lượng doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn ngân sách nhà nước trong khung khổ các chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp.

Theo tính toán từ kết quả điều tra doanh nghiệp về công nghệ của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2010-2017, số lượng các doanh nghiệp tham gia các hoạt động đổi mới công nghệ, hoạt động R&D chiếm chưa đến 5% tổng số doanh nghiệp chế biến, chế tạo. Nội dung đổi mới mới chỉ tập trung vào việc cải tiến máy móc, chất lượng sản phẩm là chủ yếu; đặc biệt, việc sử dụng các nguồn vốn ngân sách nhà nước và tín dụng còn thấp.

Trong số 5% doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ giai đoạn 2014-2017, đa số sử dụng nguồn vốn của bản thân doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và vừa.

Hình 1: Cơ cấu huy động vốn cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê)

Hình 1 cho thấy, trên 74% số doanh nghiệp điều tra sử dụng vốn của bản thân doanh nghiệp để tài trợ cho các hoạt động đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị và hoạt động R&D. Trung bình khoảng 80% số doanh nghiệp sử dụng vốn của bản thân doanh nghiệp để tài trợ cho hoạt động R&D, đổi mới công nghệ.

Bên cạnh các phản hồi của doanh nghiệp về việc tiếp cận các nguồn tài chính nói trên, thông tin từ bản thân mỗi nguồn tài chính cũng cho thấy những bằng chứng về khó khăn trong việc cung cấp tài chính cho doanh nghiệp thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị. Ví dụ, trong 9 năm hoạt động (2007 – 2016) của Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM), nơi có khoảng 150 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, số lượng doanh nghiệp tiếp cận đến loại hình bảo lãnh tín dụng rất thấp, so với số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành

phố Hồ Chí Minh tăng nhanh, lên mức 200 nghìn doanh nghiệp trong những năm gần đây. Sự gia tăng đó cũng dẫn đến sự gia tăng về nhu cầu vay vốn, trong đó có nhu cầu vay vốn đổi mới công nghệ, thực hiện R&D,... Tuy nhiên, kết quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng TP. Hồ Chí Minh còn rất nhỏ, và kết quả này tương đồng với kết quả tính toán từ số liệu điều tra doanh nghiệp. Số doanh nghiệp tuy có tăng lên mạnh, nhưng chỉ có 59 doanh nghiệp tiếp cận được quỹ bảo lãnh tín dụng. Con số này giảm còn 24 doanh nghiệp trong năm 2015-2016. Quy mô vốn bảo lãnh tín dụng tăng dần theo thời gian trong giai đoạn 2007-2012, nhưng sau đó giảm dần, và chưa vượt quá 10 tỷ VND bình quân một doanh nghiệp. Quy mô vốn vay như vậy được đánh giá là thấp so với yêu cầu đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hay đổi mới công nghệ. Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố Hà Nội, tỉnh Sóc Trăng cũng chỉ bảo lãnh được 01 doanh nghiệp tính đến thời điểm 2016 [8].

Thứ hai, quy mô vốn tín dụng được tiếp cận không cao.

Đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoạt động đổi mới công nghệ, vốn đầu tư đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, do quy mô vốn đầu tư để thực hiện các hoạt động R&D, hoạt động đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ thiết bị thường đòi hỏi vốn lớn, nên bản thân các doanh nghiệp khó có năng lực và cần nguồn bổ sung để thực hiện.

Tuy nhiên, qua việc rà soát chính sách, có thể thấy quy mô vốn vay tối đa từ các quỹ, như Quỹ phát triển DNNVV, Quỹ bảo lãnh tín dụng,..., không cao. Ví dụ: Chương trình hỗ trợ tài chính năm 2016 của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa [4] được thiết kế với ba nội dung, trong đó có nội dung liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Chương trình có vốn cho vay giới hạn trong khoảng 100 tỷ và giảm dần theo quá trình giải ngân. Trong khi đó, số liệu khảo sát của Tổng cục Thống kê cho thấy, đối với các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo nói trên, trong giai đoạn 2014-2017, khoảng trên 60% chỉ trên 10 tỷ/năm; và có số ít doanh nghiệp chỉ từ 50 tỷ/năm đến 150 tỷ/năm. Vì vậy, so sánh giữa quy mô vốn cho vay của quỹ với số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế, và với quy mô vốn đầu tư đổi mới của các DNVVN, có thể thấy rằng, nguồn lực cho vay không đủ.

Tương tự như vậy, các quỹ phát triển DNNVV ở địa phương còn có vốn điều lệ thấp (khoảng 30 tỷ) và vì thế, khó có thể đáp ứng được quy mô vốn vay của doanh nghiệp. Mức vốn này cũng đã được sửa đổi, tăng lên 100 tỷ. Tuy nhiên, so sánh với ví dụ trên, mức tăng này không đáng kể, và tính khả thi không được cải thiện, nhất là đối với các địa phương có nhiều

doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động, như vùng Đông Nam Bộ hay vùng Đồng bằng sông Hồng.

Thứ ba, năng lực của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các chính sách hỗ trợ còn nhiều bất cập.

Theo các nghiên cứu, năng lực thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước địa phương làm đầu mối như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,... còn hạn chế. Với đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm, hầu hết các nhân lực của các sở, ngành địa phương còn thiếu kinh nghiệm trong việc thẩm định hồ sơ, tài liệu của doanh nghiệp để quyết định cho vay vốn. Trong khi đó áp lực bảo toàn vốn lại được đặt lên hàng đầu, nên khó có thể ra được các quyết định cho vay.

Để khắc phục những hạn chế năng lực đó, nhất là năng lực con người trong việc thẩm định hồ sơ, một cơ chế chính sách về ủy thác để các tổ chức tín dụng thực hiện thay cho các quỹ khuyến khích phát triển doanh nghiệp đã được ban hành. Tuy nhiên, Võ Đức Toàn và cộng sự (2016), đã chỉ rõ sự không quan tâm, thiếu động lực quan tâm của các tổ chức tín dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ ủy thác.

Năng lực cho vay của các quỹ địa phương còn hạn chế. Do không tự chủ trong việc cân đối ngân sách, các địa phương không thể hình thành quỹ hoặc quỹ được hình thành với vốn điều lệ thấp, do đó, không đáp ứng được nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp. Ở nhiều địa phương, hạn mức cho vay bình quân một doanh nghiệp dưới 3 tỷ VNĐ, thấp hơn so với mức bình quân của Quỹ bảo lãnh tín dụng TP. Hồ Chí Minh. Với quy mô vốn vay thấp, thủ tục phức tạp tương đương với thủ tục vay thương mại, và chi phí cao hơn (trả hai lần phí), các doanh nghiệp mất động lực tiếp cận đến quỹ bảo lãnh tín dụng.

3. Một số gợi ý chính sách

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và chính sách cụ thể đối với hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Việc xây dựng các quy định, chính sách cần chú trọng đến sự đồng bộ, đặc biệt phù hợp với cam kết hội nhập mà Việt Nam đã ký kết.

Thứ hai, cải thiện môi trường pháp lý và hệ thống thông tin để hoàn thiện cơ chế tài chính, tín dụng cho vay đối với DNNVV nhằm giảm thiểu rủi ro cho các ngân hàng trong việc cho các DNNVV vay cũng như nâng cao chất lượng của các khoản vay. Một trong những khía cạnh liên quan đến hệ thống thông tin tín

dụng là xây dựng hệ thống báo cáo, kế toán chuẩn mực, tính minh bạch và độ tin cậy của các doanh nghiệp này khi tiếp cận ngân hàng. Hơn nữa, các ngân hàng cần tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Thứ ba, cải thiện cơ chế chính sách nhằm phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả của Quỹ bảo lãnh tín dụng, đặc biệt hoàn thiện mô hình hoạt động và bộ máy tổ chức nhằm đảm bảo tạo được cơ chế huy động đủ vốn cho quỹ hoạt động. Khuyến khích các địa phương thành lập Quỹ BLTD độc lập, không trực thuộc các Quỹ đầu tư địa phương nhằm tăng tính chủ động và tăng cường trách nhiệm quản lý./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và công nghệ (2018): Khoa học và công nghệ Việt Nam 2017, NXB Khoa học kỹ thuật
2. Đoàn Hoài Đức (2019): Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng, Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 7.
3. Công văn số 38 QDNNVV-KH&CS ngày 31/5/2016 của Quỹ phát triển DNVVN.
4. Chương trình hỗ trợ DNVVN đổi mới sáng tạo (<http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=61>, truy cập tháng 8 năm 2019)
5. Quốc hội (2017), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017
6. CIEM (2018): Đổi mới phương thức hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam
7. Võ Đức Toàn, Huỳnh Thị Anh Thy, Nguyễn Minh Tài (2016): Hiệu quả hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí khoa học, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 1 (26)
8. Vì sao quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNVVN kém hiệu quả: <http://cafef.vn/doanh-nghiep/vi-sao-quy-bao-lanh-tin-dung-doanh-nghiep-vua-va-nho-kem-hieu-qua-20151105144639981.chn>

Ngày nhận bài: 16/03/2020